

KẾ HOẠCH
Xây dựng trường học đạt Chuẩn quốc gia và Kiểm định
chất lượng giáo dục

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực GD&ĐT thành phố Hải Phòng; Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Thực hiện kế hoạch số 78/KH-MN về việc xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020- 2025, trường Mầm non Lê Lợi xây dựng Kế hoạch xây dựng trường chuẩn Quốc gia như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng được nhu cầu chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.
- Có đủ đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo chuẩn, có trình độ chuyên môn vững vàng.
- Phấn đấu trường mầm non Lê Lợi đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào năm 2025. Là trường mầm non có uy tín, chất lượng đứng trong top đầu giáo dục mầm non Huyện An Dương.

2. Yêu cầu:

- Nhà trường tham mưu các cấp lãnh đạo mở rộng thêm diện tích đất, xây dựng thêm các phòng học, phòng chức năng, bổ sung đồ dùng trang thiết bị trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

- Tham mưu với các cấp lãnh đạo để phân bổ đủ giáo viên theo chỉ tiêu.
- Nhà trường phát triển và thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

II. TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

- Thực trạng quy mô:

- + Tổng diện tích đất: 4081,5 m². (Tổng diện tích sàn sử dụng 5644,5 Đạt 14,04 m2/trẻ. So với quy định (đủ)
- + Tổng số lớp học: 14 Trong đó: Nhà trẻ 3; Mẫu giáo 11
- + Tổng số trẻ: 408 Trong đó: Nhà trẻ 81; Mẫu giáo 327
- + Số trẻ trung bình/lớp nhà trẻ 27 cháu ; Số trẻ trung bình/lớp mẫu giáo 29,7 cháu.

- Thực trạng đội ngũ:

Tổng số: 41

Trong đó:

- + CBQL: 03 Trình độ đại học: 03 đ/c
- + Giáo viên: 27 (đạt 1,9/lớp). Trình độ CĐ, ĐH = 100%. Đại học 25/27 = 92.5 (Còn thiếu 3 giáo viên).
- + Nhân viên nấu ăn: : 7 Trình độ cao đẳng 2/7 = 29%; trung cấp; 5/7 = 71% (Còn thiếu 1 nhân viên)
- + Nhân viên kế toán; 1 đ/c Trình độ ĐH
- Văn thư, thủ quỹ, y tế đều kiêm nhiệm; Thiếu 3 vị trí văn thư , thủ quỹ, y tế.
- + Bảo vệ: 2 đ/c (đủ)
- Lao công: 1 đ/c (đủ)

- Thực trạng cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Công trình	Số lượng
I	Khối phòng học	
1	Phòng kiên cố	11
2	Phòng bán kiên cố	0

TT	Công trình	Số lượng
3	Phòng tạm	0
II	Khối phòng hành chính quản trị	
1	Phòng kiên cố	05
2	Phòng bán kiên cố	01
3	Phòng tạm	0
III	Khối phòng tổ chức ăn	
1	Bếp ăn	01
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	
1	Phòng đa năng	0
2	Phòng thể chất	0
3	Phòng nghệ thuật	01
4	Phòng tin học	0
	Cộng	18

* Căn cứ các tiêu chuẩn, tiêu chí, điều kiện công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia, nhà trường tự đánh giá mức độ đạt được như sau:

Tiêu chuẩn Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		KĐCLGD Mức 1	Đạt CQG mức độ 1 và KĐCLGD mức 2	Đạt CQG mức độ 2 và KĐCLGD mức 3
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường				
Tiêu chí 1		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 10		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên				

Tiêu chuẩn Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		KĐCLGD Mức 1	Đạt CQG mức độ 1 và KĐCLGD mức 2	Đạt CQG mức độ 2 và KĐCLGD mức 3
Tiêu chí 1		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2	Chưa đạt			
Tiêu chí 3		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 03: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học				
Tiêu chí 1			Đạt	Đạt
Tiêu chí 2			Đạt	Đạt
Tiêu chí 3			Đạt	Đạt
Tiêu chí 4			Đạt	Đạt
Tiêu chí 5			Đạt	Đạt
Tiêu chí 6			Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				
Tiêu chí 1		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ				
Tiêu chí 1		Đạt	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 2		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3		Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4		Đạt	Đạt	Đạt
Tự đánh giá: Đạt CQG mức độ 1 KĐCLGD mức độ 2				

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Tiêu chí	Đạt CQG mức độ 1 và KĐCLGD mức 2			Đạt CQG mức độ 2 và KĐCLGD mức 3		
	Tự đánh giá	Lý do chưa đạt (Cụ thể chỉ số nào chưa đạt? Vì sao?)	Giải pháp khắc phục và thời gian hoàn thành	Tự đánh giá	Lý do chưa đạt (Cụ thể chỉ số nào chưa đạt? Vì sao?)	Giải pháp khắc phục và thời gian hoàn thành
1	Đạt			Đạt		
2	Đạt			Đạt		
3	Đạt			Đạt		
4	Đạt			Đạt		
5	Đạt			Đạt		
6	Đạt			Đạt		
7	Đạt			Đạt		
8	Đạt			Đạt		

9	Đạt			Đạt		
10	Đạt			Đạt		

2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tiêu chí	Đạt CQG mức độ 1 và KĐCLGD mức 2			Đạt CQG mức độ 2 và KĐCLGD mức 3		
	Tự đánh giá	Lý do chưa đạt (Cụ thể chỉ số nào chưa đạt? Vì sao?)	Giải pháp khắc phục và thời gian hoàn thành	Tự đánh giá	Lý do chưa đạt (Cụ thể chỉ số nào chưa đạt? Vì sao?)	Giải pháp khắc phục và thời gian hoàn thành
1	Đạt			Chưa đạt	Tiêu chí 2, chỉ số a còn thiếu giáo viên	Tham mưu với UBND Huyện phân bổ đủ chỉ tiêu giao cho nhà trường.
2	Đạt			Đạt		
3	Đạt			Đạt		

3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Tiêu chí	Đạt CQG mức độ 1 và KĐCLGD mức 2		Đạt CQG mức độ 2 và KĐCLGD mức 3	
	Tự đánh giá	Lý do chưa đạt (Cụ thể chỉ số nào chưa đạt? Vì sao?)	Tự đánh giá	Lý do chưa đạt (Cụ thể chỉ số nào chưa đạt? Vì sao?)
1	Đạt		Đạt	
2	Chưa đạt	Chỉ số a về phòng học/ lớp học còn thiếu	Chưa đạt	Chỉ số a về phòng học/ lớp học còn thiếu
3	Đạt		Đạt	
4	Đạt		Đạt	
5	Đạt		Đạt	
6	Đạt		Đạt	

* Giải pháp thực hiện

TT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn mức độ 1 TCQG			Tiêu chuẩn mức độ 2 TCQG			Chú thích
		Quy chuẩn	Đã đạt được (Cụ thể diện tích TB đạt được)	Giải pháp khắc phục	Quy chuẩn	Đã đạt được (Cụ thể diện tích TB đạt được)	Giải pháp khắc phục	
1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em							
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em							

TT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn mức độ 1 TCQG			Tiêu chuẩn mức độ 2 TCQG			Chú thích
		1,50m ² /trẻ em	1,82 m ² /trẻ em		1,50m ² /trẻ em	1,82 m ² /trẻ em		
	Khu sinh hoạt chung							Tổng diện tích không nhỏ hơn 24m ² với nhóm trẻ, 36m ² với lớp mẫu giáo
	Khu ngủ	1,20m ² /trẻ em	1,82 m ² /trẻ em		1,20m ² /trẻ em	1,82 m ² /trẻ em		Tổng diện tích không nhỏ hơn 18m ² với nhóm trẻ, 30m ² với lớp mẫu giáo
	Khu vệ sinh	0,40m ² /trẻ em	0,40m ² /trẻ em		0,40m ² /trẻ em	0,40m ² /trẻ em		Tổng diện tích không nhỏ hơn 12m ²
	Hiên chơi, đón trẻ em	0,50m ² /trẻ em	0,9m ² /trẻ em		0,50m ² /trẻ em	0,9m ² /trẻ em		Chiều rộng thông thủy không nhỏ hơn 2,1m
	Kho nhóm, lớp	-	8m ²		6m ² /kho	8m ²		
	Phòng giáo viên (Đối với công trình xây trước năm 2019 thì mỗi điểm trường có 01 phòng GV; Công trình xây sau năm 2029 thì phòng giáo viên bố trí liền kề với khu sinh hoạt chung và ngủ của trẻ em)	-	Chưa có	Tham mưu với các cấp lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ xây nhà 2 tầng đã được phê duyệt	12m ² /phòng	Chưa có	Tham mưu với các cấp lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ xây nhà 2 tầng đã được phê duyệt	
1.2	Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật							
	Phòng giáo dục thể chất (Đạt chuẩn mức độ 2 đối với trường có quy mô lớn hơn 14 nhóm, lớp có tối thiểu 02 phòng giáo dục thể chất)	2m ² /trẻ em	Chưa có	Tham mưu với các cấp lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ xây nhà 2 tầng đã được phê duyệt	2m ² /trẻ em	Chưa có	Tham mưu với các cấp lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ xây nhà 2 tầng đã được phê duyệt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng

TT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn mức độ 1 TCQG			Tiêu chuẩn mức độ 2 TCQG			Chú thích
		2m ² /trẻ em	Chưa có	Tham mưu với các cấp lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ xây nhà 2 tầng đã được phê duyệt	2m ² /trẻ em	Chưa có	Tham mưu với các cấp lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ xây nhà 2 tầng đã được phê duyệt	
	Phòng giáo dục nghệ thuật (Đạt chuẩn mức độ 2 đối với trường có quy mô lớn hơn 14 nhóm, lớp có tối thiểu 02 phòng giáo dục nghệ thuật)							Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng
	Phòng đa năng	2m ² /trẻ em	Chưa có	Tham mưu với các cấp lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ xây nhà 2 tầng đã được phê duyệt	2m ² /trẻ em	Chưa có	Tham mưu với các cấp lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ xây nhà 2 tầng đã được phê duyệt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng
1.3	Sân chơi riêng	1m ² /trẻ em nhà trẻ;	2,82 m ² /trẻ em nhà trẻ		1m ² /trẻ em nhà trẻ;	2,82 m ² /trẻ em nhà trẻ		
		2m ² /trẻ em mẫu giáo	2,82m ² /trẻ em mẫu giáo		2m ² /trẻ em mẫu giáo	2,82m ² /trẻ em mẫu giáo		
1.4	Phòng tin học	-	Chưa có	Tham mưu với các cấp lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ xây nhà 2 tầng đã được phê duyệt	40m ² /phòng	Chưa có	Tham mưu với các cấp lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ xây nhà 2 tầng đã được phê duyệt	
2	Khối phòng tổ chức ăn							
2.1	Nhà bếp	0,30m ² /trẻ em	0,32 m ² /trẻ em		0,30m ² /trẻ em	0,32 m ² /trẻ em		
2.2	Kho bếp	10m ² /kho thực phẩm;	5m ²		10m ² /kho thực phẩm;	5 m ²		
		12m ² /kho lương thực	5m ²		12m ² /kho lương thực	5m ²		
3	Khối phụ trợ							
3.1	Phòng họp	1,20m ² /người	1,41 m ² /người		1,20m ² /người	1,41 m ² /người		
3.2	Phòng Y tế	10m ² /phòng	15m ²		10m ² /phòng	15 m ²		

TT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn mức độ 1 TCQG			Tiêu chuẩn mức độ 2 TCQG			Chú thích
		40m ² /kho	40m ² /kho		40m ² /kho	40m ² /kho		
3.3	Nhà kho							
3.4	Sân vườn	3m ² /trẻ em	5,2m ² /trẻ em		3m ² /trẻ em	5,2m ² /trẻ em		
	Trong đó: sân vườn dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm	0,30m ² /trẻ em	0,5 m ² /trẻ em		0,30m ² /trẻ em	0,5 m ² /trẻ em		

4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Tiêu chí	Đạt CQG mức độ 1 và KĐCLGD mức 2			Đạt CQG mức độ 2 và KĐCLGD mức 3		
	Tự đánh giá	Lý do chưa đạt (Cụ thể chỉ số nào chưa đạt? Vì sao?)	Giải pháp khắc phục và thời gian hoàn thành	Tự đánh giá	Lý do chưa đạt (Cụ thể chỉ số nào chưa đạt? Vì sao?)	Giải pháp khắc phục và thời gian hoàn thành
1	Đạt			Đạt		
2	Đạt			Đạt		

5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Tiêu chí	Đạt CQG mức độ 1 và KĐCLGD mức 2			Đạt CQG mức độ 2 và KĐCLGD mức 3		
	Tự đánh giá	Lý do chưa đạt (Cụ thể chỉ số nào chưa đạt? Vì sao?)	Giải pháp khắc phục và thời gian hoàn thành	Tự đánh giá	Lý do chưa đạt (Cụ thể chỉ số nào chưa đạt? Vì sao?)	Giải pháp khắc phục và thời gian hoàn thành
1	Đạt			Chưa đạt	Áp dụng chương trình GDMN trên thế giới hiệu quả chưa cao	- Tiếp tục triển khai và áp dụng tham mưu để có cơ sở vật chất phù hợp đáp ứng được nhu cầu của trẻ vào năm học 2025.
2	Đạt			Đạt		

3	Đạt			Đạt		
4	Đạt			Đạt		

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục quan tâm mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên để nâng cao trình độ.

- Tham mưu về chế độ chính sách cho giáo viên, nhân viên mầm non.

- Tham mưu để xin thêm đồ dùng trang thiết bị cho nhà trường.

2. Đối với UBND huyện

- Đẩy nhanh tiến độ thi công nhà 2 tầng đã được HĐND Huyện phê duyệt để nhà trường có đủ các phòng học, phòng chức năng cho các cháu.

- Tiếp tục tổ chức thi tuyển biên chế cho giáo viên, phân đủ giáo viên theo chỉ tiêu cho nhà trường.

3. Đối với phòng GD&ĐT huyện

- Tích cực tham mưu với UBND Huyện thi tuyển biên chế cho giáo viên, phân đủ giáo viên theo chỉ tiêu cho nhà trường.

- Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên.

4. Đối với UBND xã/thị trấn

- Có kế hoạch giải phóng mặt bằng khu đất mới, đẩy nhanh tiến độ thi công nhà 2 tầng để nhà trường có đủ các phòng học, phòng chức năng cho các cháu.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT;
- UBND xã Lê Lợi
- Lưu VT, HS TCQG.

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Thị Lanh